

Số: 292/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 22 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành kế hoạch huy động trẻ ra lớp  
và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020-2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 Năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020-2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020-2021.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân Quận 9, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường và Ủy ban nhân dân 13 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đinh*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở GD&ĐT;
- Thường trực Quận ủy;
- Thường trực HĐND quận;
- Thường trực UBND quận;
- UBMTTQ và các Đoàn thể quận;
- Thành viên BCĐ PCGD-XMC Quận;
- UBND và Chuyên trách GD 13 phường;
- Hiệu trưởng MG-MN, Ti.H, THCS;
- Lưu: VT-GDĐT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Ngọc Cường*  
**Nguyễn Ngọc Cường**



Quận 9, ngày 22 tháng 6 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020 - 2021**

(Ban hành theo Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

Căn cứ Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020-2021;

Căn cứ Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp từ năm học 2020-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Quận 9 lập kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020-2021 như sau:

#### **I. YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TUYỂN SINH:**

Tuyên truyền về những chủ trương tuyển sinh lớp đầu cấp của Thành phố và Ủy ban nhân dân Quận 9 đến từng hộ dân trên địa bàn, đặc biệt quan tâm đến con em các hộ gia đình diện chính sách, bộ đội đang làm nhiệm vụ ở hải đảo; gia đình nghèo, công nhân.

Đảm bảo đủ chỗ học cho con em nhân dân cư ngụ trên địa bàn Quận 9; thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục (PCGD) mầm non cho trẻ 5 tuổi; PCGD tiểu học; PCGD THCS, PCGD trung học; thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS; khuyến khích học sinh thi tuyển vào lớp 10 chọn nguyện vọng phù hợp với khả năng của bản thân, gần nơi cư trú để thuận lợi cho việc tiếp tục đi học khi trúng tuyển và giảm áp lực giao thông theo chủ trương của Thành phố.

Đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được học 2 buổi/ngày để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đồng thời xây dựng Kế hoạch những năm tiếp theo cho các lớp còn lại học 2 buổi/ngày.

Đẩy mạnh tổ chức học tiếng Anh ngay từ lớp 1 theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Quận 9 tiếp tục đảm bảo duy trì và phát triển xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình; Khuyến khích các trường công lập có đủ điều kiện tổ chức dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam.



Thực hiện đúng quy chế ở mỗi bậc học của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đảm bảo nghiêm túc, an toàn, công bằng, chính xác, đánh giá đúng trình độ người học, phản ánh chất lượng dạy và học.

**Nghiêm cấm các trường vận động, quyên góp và thu các khoản thu ngoài quy định khi tuyển sinh.** Thực hiện xét tuyển công khai, nghiêm túc, đảm bảo công bằng.

## **II. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG TRẺ RA LỚP VÀ TUYỂN SINH**

### **1. Tuyển sinh vào lớp lá (trẻ sinh năm 2015):**

Phân tuyến và huy động 100% trẻ 5 tuổi (*đính kèm phụ lục 1*) hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 9 ra học lớp Lá và có kế hoạch đảm bảo cho trẻ 3 tuổi, 4 tuổi và trẻ độ tuổi nhà trẻ được đi học.

Ủy ban nhân dân 13 phường thông báo gọi nhập học lớp Lá theo phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận để phụ huynh đăng ký nhập học cho con em.

Trường Mẫu giáo – Mầm non căn cứ danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận và hồ sơ của trẻ để tiếp nhận đúng quy định.

Các trường ngoài công lập nhận trẻ 5 tuổi phải thực hiện đầy đủ chương trình giáo dục mầm non 5 tuổi theo quy định.

Công tác tuyển sinh các trường phải đảm bảo việc thực hiện hồ sơ nhập học và phiếu khảo sát đầu vào cho trẻ. Khuyến khích các trường có điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên tổ chức nhận trẻ 6-18 tháng tuổi theo đúng lộ trình quy định.

Công tác tuyển sinh bắt đầu **từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và công bố kết quả vào ngày 20 tháng 7 năm 2020.**

Căn cứ nhu cầu của cha mẹ học sinh và điều kiện của đơn vị, các cơ sở giáo dục mầm non có thể cho trẻ làm quen với trường lớp trong thời gian nghỉ hè.

### **2. Tuyển sinh vào lớp 1:**

#### **2.1/ Phương thức tuyển sinh (trẻ sinh năm 2014):**

Huy động 100% trẻ 6 tuổi (*đính kèm phụ lục 2*) đang cư trú trên địa bàn Quận 9 vào lớp 1 theo phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận; không nhận học sinh sớm tuổi và học sinh trái tuyến ngoài quận.

Trường Tiểu học căn cứ danh sách phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận, giấy gọi nhập học **và hồ sơ thực tế của trẻ** để tiếp nhận đăng ký nhập học đúng quy định; những trường hợp sai sót cần hướng dẫn phụ huynh liên hệ phòng Giáo dục và Đào tạo (**quầy số 05 – bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**) để điều chỉnh phân tuyến lại theo đúng quy định.

Thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2025. Tổ chức làm quen Tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố theo quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

## 2.2/ Thời gian tuyển sinh:

**Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và công bố kết quả vào ngày 31 tháng 7 năm 2020.**

Ủy ban nhân dân 13 phường viết giấy Gọi nhập học theo danh sách phân tuyển của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận để gửi đến hộ gia đình.

Thực hiện tuyển sinh lớp 1 theo từng đợt:

❖ **Tuyển sinh đợt 1 từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến 15 tháng 7 năm 2020:** Tuyển sinh trẻ đã được địa phương điều tra lập danh sách **trước ngày 31/5/2020 (có thời gian thường trú tính đến ngày 31/5/2020 và tạm trú từ ngày 31/12/2019 trở về trước)** và có tên trong danh sách phân tuyển của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận.

❖ **Tuyển sinh đợt 2 từ ngày 20 tháng 7 năm 2020 đến 25 tháng 7 năm 2020:** Ban chỉ đạo tuyển sinh quận sẽ xem xét khả năng tiếp nhận của các trường để điều chỉnh phân tuyển cho phù hợp nhằm đảm bảo huy động 100% trẻ đều được đi học đối với các đối tượng:

+ Tuyển sinh những trường hợp **tạm trú sau ngày 31/12/2019** đã được địa phương điều tra lập danh sách **trước ngày 31/5/2020**.

+ Những trường hợp địa phương điều tra lập danh sách bổ sung **sau ngày 31/5/2020 đến ngày 30/6/2020**.

➤ *Những trường hợp chưa có tên trong danh sách phân tuyển tuyển sinh của quận (cả 2 đợt), phụ huynh liên hệ trực tiếp phòng Giáo dục và Đào tạo (quầy số 05 – bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) để nộp hồ sơ và Ban chỉ đạo Tuyển sinh quận sẽ xem xét giải quyết sau ngày 31/7/2020.*

## 2.3/ Tuyển sinh vào lớp 1 tăng cường Tiếng Anh:

Căn cứ vào nhu cầu của phụ huynh học sinh và điều kiện thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức tuyển sinh lớp 1 tăng cường Tiếng Anh (đính kèm phụ lục 3a).

Tổ chức tăng cường Tiếng Anh cho học sinh lớp 1 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

## 2.4/ Tuyển sinh vào lớp 1 chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam (gọi tắt là Chương trình Tích hợp):

Các trường phải đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh theo phân tuyển; đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp Chương trình Tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tổ chức dạy Chương trình Tích hợp cho học sinh lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 và lộ trình riêng của Thành phố.

Tiếp tục tổ chức ở các trường: Lê Văn Việt, Phước Bình, Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Văn Bá, Nguyễn Minh Quang và mở rộng thêm ở trường Tiểu học Phạm Văn Chính, Trần Thị Bưởi (đính kèm phụ lục 3b).



### **3. Tuyển sinh vào lớp 6:**

#### **3.1/ Phương thức tuyển sinh:**

Phân tuyển và huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào lớp 6 (đính kèm phụ lục 4). Ưu tiên cho học sinh thường trú trên địa bàn quận và đã hoàn thành chương trình tiểu học ở các trường Tiểu học của Quận 9.

Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận căn cứ vào khả năng tiếp nhận của trường Trung học cơ sở và danh sách học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, địa chỉ cư trú, diện cư trú đã được trường Tiểu học cập nhật để phân tuyển tuyển sinh lớp 6 theo địa bàn.

Trường Trung học cơ sở căn cứ danh sách của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận và hồ sơ thực tế của học sinh để tiếp nhận, nếu có sai sót thì hướng dẫn phụ huynh liên hệ phòng Giáo dục và Đào tạo (**quầy số 05 – bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**) để điều chỉnh phân tuyển lại theo đúng quy định.

Những trường hợp học sinh trong độ tuổi quy định (có hộ khẩu thường trú, tạm trú ở Quận 9 từ ngày 31/12/2019 trở về trước) đã hoàn thành chương trình Tiểu học ở các quận khác, nay có nhu cầu đăng ký nhập học ở Quận 9, các trường hướng dẫn phụ huynh liên hệ phòng Giáo dục và Đào tạo (**quầy số 05 – bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**) để lập danh sách và Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận căn cứ khả năng tiếp nhận của các trường để bố trí chỗ học phù hợp. Thời gian nộp hồ sơ từ **ngày 20 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 25 tháng 7 năm 2020**.

#### **3.2/ Thời gian tuyển sinh:**

**Công tác tuyển sinh bắt đầu từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và được công bố kết quả vào ngày 05 tháng 8 năm 2020.**

Các trường Trung học cơ sở căn cứ theo danh sách phân tuyển của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận và đối chiếu với **hồ sơ thực tế** của học sinh để tuyển sinh lớp 6.

❖ **Tuyển sinh đợt 1 từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến 25 tháng 7 năm 2020:** tiếp nhận hồ sơ học sinh trong danh sách phân tuyển của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận.

❖ **Tuyển sinh đợt 2 từ ngày 27 tháng 7 năm 2020 đến 31 tháng 7 năm 2020:** Tuyển sinh học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học ở quận khác có nhu cầu nhập học lớp 6 ở các trường trên địa bàn Quận 9 và được xét duyệt của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận.

#### **3.3/ Tuyển sinh vào lớp 6 tăng cường tiếng Anh: (đính kèm phụ lục 5a)**

Các trường Trung học cơ sở tiếp nhận học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đã học chương trình Tiếng Anh tăng cường năm học 2019-2020 có điểm toàn năm từng kỹ năng từ 6 điểm trở lên hoặc có trình độ A2 theo khung CEFR như: chứng chỉ Cambridge Flyers đạt 10/15 khiên hoặc TOEFL Primary Step 2 đạt 3/5 huy hiệu hoặc cấp độ Quikmarch đạt 3/5 Sao của PTE Young Learners.

### **3.4/ Tuyển sinh vào lớp 6 chương trình Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam:**

Tiếp tục tổ chức ở 02 trường: Hoa Lư và Trần Quốc Toản và mở rộng thêm ở trường THCS Hiệp Phú (*đính kèm phụ lục 5b*) với tiêu chí:

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học theo chương trình Tích hợp hoặc chương trình tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo có đủ năng lực tiếng Anh theo quy định trình độ thỏa một trong các điều kiện sau đây:

+ Theo hệ thống Pearson English: học sinh phải có chứng chỉ PTE cấp độ Quikmarch (Pass – số sao tối thiểu 3/5 sao).

+ Theo hệ thống Cambridge English: học sinh phải có chứng chỉ Flyers (số khiên tối thiểu 10/15 khiên)

+ Theo hệ thống ETS: học sinh phải có chứng chỉ TOEFL Primary bậc 2 với số huy hiệu tối thiểu là 3/4 huy hiệu (TOEFL Primary, Step 2,3 badges).

+ Học sinh phải hoàn tất bài khảo sát năng lực tiếng Anh đầu vào của chương trình (Placement test).

Các trường phải đảm bảo đủ chỗ học cho tất cả học sinh trong chỉ tiêu được giao, đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hành thí nghiệm cho các lớp chương trình tích hợp theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Các trường thông báo công khai chỉ tiêu, tiêu chuẩn và điều kiện đăng ký nhập học và được Ban chỉ đạo tuyển sinh quận xét duyệt theo đúng quy định.

### **3.5/ Tuyển sinh lớp 6 chương trình dạy học tiếng Hàn:**

Năm học 2020-2021, trường THCS Hoa Lư tiếp tục tuyển sinh **01 lớp tiếng Hàn** (ngoại ngữ 2) theo quy định của Công văn số 1949/KH-GDĐT-Tr.H ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Sở GD&ĐT về kế hoạch triển khai thí điểm dạy học tiếng Hàn đối với giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2023.

Việc tuyển sinh vào lớp 6 tiếng Hàn (Ngoại ngữ 2) được thực hiện trong số học sinh đã có danh sách vào học lớp 6 của trường.

Khối 6, 7 và 8 thực hiện thu học phí thỏa thuận với phụ huynh để đảm bảo thu đủ chi. Riêng đối khối 9 vẫn tiếp tục thực hiện chương trình dạy **thí điểm** theo thỏa thuận khung về việc dạy tiếng Hàn ở trường phổ thông Việt Nam giữa Bộ GD&ĐT Việt Nam và Đại sứ quán Đại Hàn dân quốc.

## **4. Tiến độ báo cáo:**

### **❖ Kết quả tuyển sinh lớp 1:**

- Đợt 1: ngày 17 tháng 7 năm 2020.

- Đợt 2: ngày 03 tháng 8 năm 2020.

### **❖ Kết quả tuyển sinh lớp 6:**

- Đợt 1: ngày 28 tháng 7 năm 2020.

- Đợt 2: ngày 08 tháng 8 năm 2020.

❖ **Tổng kết tuyển sinh:** ngày 20 tháng 8 năm 2020, tất cả các trường tổng kết công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2020-2021 và báo cáo về phòng Giáo dục và Đào tạo (*tại quầy số 05 – bộ phận tiếp nhận và trả kết quả*).

### III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN:

**1. Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 9** theo dõi, tổng hợp kết quả công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2020-2021 báo cáo Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận và Sở Giáo dục và Đào tạo.

**2. Hội đồng giáo dục, Ủy ban nhân dân phường** chịu trách nhiệm trong công tác điều tra, thống kê số liệu, lập danh sách trẻ 5-6 tuổi để làm cơ sở phân tuyển tuyển sinh các lớp đầu cấp; viết và gửi giấy Gọi nhập học đến từng hộ dân, tổ chức tuyên truyền, vận động phụ huynh đăng ký nhập học cho con em đúng thời gian và theo phân tuyến của Ban Chỉ đạo Tuyển sinh quận; đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi đều được đi học.

**3. Giáo viên Chuyên trách PCGD-XMC phường** có trách nhiệm tham mưu UBND phường và phối hợp với các trường thực hiện công tác huy động và tuyển sinh đạt 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp; rà soát, xác minh, thống kê, tổng hợp và báo cáo về phòng Giáo dục và Đào tạo.

**4. Các đơn vị giáo dục** xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh (*khuyến khích các đơn vị thực hiện tuyển sinh trên cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4*) của Ủy ban nhân dân Quận 9, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên cho năm học 2020-2021 và báo cáo kịp thời khi có những vấn đề phát sinh.

Trên đây là Kế hoạch huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2020-2021, Ủy ban nhân dân Quận 9 đề nghị Ban chỉ đạo tuyển sinh quận, phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân 13 phường và Thủ trưởng các đơn vị giáo dục phối hợp thực hiện đúng theo Kế hoạch.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở GD-ĐT Tp.HCM;
- TTQU, HĐND-UBND quận;
- UBNDTTQ và các Đoàn thể quận;
- Thành viên BCĐ PCGD-XMC quận;
- UBND và GVCT 13 phường;
- Hiệu trưởng MG-MN, TH, THCS;
- Lưu: VT-GDĐT



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Cường**

**Mẫu phụ lục 1:**  
**Bảng chỉ tiêu từng phường, trường MG-MN (dự kiến)**  
 (kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

**Năm học 2020-2021**

| STT | Tên trường MG-MN  |     | Phân tuyến tuyển sinh lớp Lá (sinh năm 2015) |                                                 |        |        | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------|--------|---------|
|     |                   |     | Phường                                       | Khu phố                                         | Số lớp | Số trẻ |         |
| 1   | Hiệp Phú          | CL  | Hiệp Phú                                     | Kp: 1 và 2                                      | 3      | 110    |         |
| 2   | Rồng Vàng         | NCL |                                              |                                                 | 2      | 60     |         |
| 3   | Việt Duy          | NCL |                                              |                                                 | 1      | 30     |         |
| 4   | Sao Mai (cơ sở 2) | NCL |                                              |                                                 | 2      | 60     |         |
| 5   | ABC               | NCL |                                              |                                                 | 2      | 60     |         |
| 6   | Tuổi Ngọc         | CL  |                                              | Kp: 3 và 4                                      | 4      | 160    |         |
| 7   | Sao Mai (cơ sở 1) | NCL |                                              |                                                 | 1      | 30     |         |
| 8   | Vàng Anh          | CL  |                                              | Kp: 5 và 6                                      | 2      | 100    |         |
| 9   | Cậu Bé Gỗ         | NCL |                                              |                                                 | 2      | 50     |         |
| 10  | Sơn Ca            | CL  | Long Thạnh Mỹ                                | Giãn Dân + C.P.Cẩm + Mỹ Thành                   | 4      | 120    |         |
| 11  | Long Thạnh Mỹ     | CL  |                                              | Kp I + Gò Công + Long Hòa                       | 3      | 110    |         |
| 12  | Nai Vàng          | NCL |                                              |                                                 | 2      | 70     |         |
| 13  | Thiện Mỹ          | NCL |                                              |                                                 | 1      | 30     |         |
| 14  | Hoa Thương        | NCL |                                              |                                                 | 4      | 120    |         |
| 15  | Long Phước        | CL  | Long Phước                                   | Cả phường                                       | 4      | 130    |         |
| 16  | Long Bình         | CL  | Long Bình                                    | Phước Thiện + Long Bửu + Bến Đò                 | 5      | 150    |         |
| 17  | Long Sơn          | CL  |                                              | Long Sơn + C.Ông Tấn, Thái Bình 1 + Thái Bình 2 | 1      | 40     |         |
| 18  | Tạ Uyên           | CL  |                                              | Vĩnh Thuận và Giãn Dân                          | 2      | 35     |         |
| 19  | Thanh Lịch        | NCL |                                              |                                                 | 2      | 70     |         |
| 20  | Long Trường       | CL  | Long Trường                                  | Ông Nhiêu + Phước Lai + Trường Lưu và Tam Đa    | 6      | 285    |         |
|     |                   |     | Trường Thạnh                                 | Phước Lai                                       |        |        |         |
| 21  | Tuổi Thơ          | CL  | Phú Hữu                                      | Cả Phường                                       | 3      | 110    |         |
| 22  | Hoàng Lê          | NCL |                                              |                                                 | 2      | 70     |         |
| 23  | Con Mèo Vàng      | NCL |                                              |                                                 | 1      | 30     |         |

|    |                          |           |  |  |   |     |  |
|----|--------------------------|-----------|--|--|---|-----|--|
| 24 | Hoa Hồng Đỏ<br>(Cơ sở 2) | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 25 | Bầu Trời Xanh            | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 26 | Miền Trê Thơ             | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 27 | Hoa Sen                  | <b>CL</b> |  |  | 3 | 105 |  |
| 28 | Thỏ Ngọc                 | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 29 | Hoa Mai                  | NCL       |  |  | 3 | 90  |  |
| 30 | Ngô Thời Nhiệm           | NCL       |  |  | 4 | 120 |  |
| 31 | Vương Quốc Tí<br>Hơn     | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 32 | Kiều Đàm                 | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 33 | Thiên Ân Phúc 3          | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 34 | Hoa Lan                  | <b>CL</b> |  |  | 5 | 200 |  |
| 35 | Hoa Hồng Đỏ<br>(Cơ sở 1) | NCL       |  |  | 5 | 150 |  |
| 36 | Bình Minh                | NCL       |  |  | 4 | 120 |  |
| 37 | Á Châu                   | NCL       |  |  | 3 | 90  |  |
| 38 | Thăng Long A             | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 39 | Kim Đồng                 | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 40 | Thiên Ân Phúc 4          | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 41 | Tuệ Đức                  | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 42 | Hoa Thiên Vỹ             | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 43 | Thiên Phúc               | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 44 | Diệu Kỳ                  | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 45 | Mặt Trời Á Châu          | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 46 | Phước Bình               | <b>CL</b> |  |  | 6 | 270 |  |
| 47 | Sóc Nâu                  | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 48 | Tuổi Hồng                | <b>CL</b> |  |  | 2 | 80  |  |
| 49 | Hoàng Yến                | <b>CL</b> |  |  | 3 | 120 |  |
| 50 | Ban Mai                  | NCL       |  |  | 1 | 30  |  |
| 51 | Phong Phú                | <b>CL</b> |  |  | 4 | 180 |  |
| 52 | Sao Sáng                 | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |
| 53 | Song Như                 | NCL       |  |  | 2 | 60  |  |

|                  |                 |           |                                    |                                                                                     |            |             |  |
|------------------|-----------------|-----------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|--|
| 54               | Thiên Ân Phúc 5 | NCL       |                                    |                                                                                     |            |             |  |
| 55               | Mẹ Yêu Con      | NCL       |                                    |                                                                                     | 2          | 60          |  |
| 56               | Trường Thành    | <b>CL</b> | Trường<br>Thành-<br>Long<br>Trường | Cả phường Trường Thành (trừ kp<br>Phước Lai) và Kp Phước Hiệp<br>phường Long Trường | 5          | 230         |  |
| 57               | Hồ Ngọc Cẩn     | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| 58               | Ngôi Sao        | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| 59               | Tuổi Hoa        | <b>CL</b> | Tân Phú                            | Kp: 1 và 2                                                                          | 2          | 80          |  |
| 60               | Minh Ngọc       | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| 61               | Tân Phú         | <b>CL</b> |                                    | Kp: 3, 4, 5 và 6                                                                    | 4          | 145         |  |
| 62               | Mai Hoa         | NCL       |                                    |                                                                                     | 5          | 160         |  |
| 63               | Công Nghệ Cao   | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| 64               | Hoàng Kim       | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| 65               | Hoa Trà My      | NCL       |                                    |                                                                                     | 1          | 30          |  |
| <b>Toàn Quận</b> |                 |           |                                    |                                                                                     | <b>152</b> | <b>5220</b> |  |





## Mẫu phụ lục 2

Bảng chỉ tiêu cụ thể từng phường, trường Tiểu học (*dự kiến*)

(kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

**Năm học 2020-2021**

| Tên trường<br>Tiểu học | Phân tuyến địa bàn<br>tuyển sinh |                                                                                    | Phân tuyến Lớp 1 NH 2020-2021 |            |           |     |           | Ghi chú                 |
|------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------|-----------|-----|-----------|-------------------------|
|                        |                                  |                                                                                    | Số trẻ                        |            |           |     | Số<br>lớp |                         |
|                        | Phường                           | Khu phố                                                                            | Thường<br>trú                 | Tạm<br>trú | Tổng cộng |     |           |                         |
| 1                      | 2                                | 3                                                                                  | 4                             | 5          | 6         | 7   | 8         | 16                      |
| Hiệp Phú               | Hiệp Phú                         | Kp 3+4 + 6 và tạm trú kp 5                                                         | 117                           | 50         | 167       | 329 | 8         |                         |
|                        | Tăng Nhơn Phú A                  | Tạm trú cả phường                                                                  |                               | 104        | 104       |     |           |                         |
|                        | Tăng Nhơn Phú B                  | Khu phố 4 + tạm trú Kp 2                                                           | 21                            | 37         | 58        |     |           |                         |
| Đinh Tiên Hoàng        | Hiệp Phú:                        | Kp 1, 2                                                                            | 98                            | 99         | 197       | 350 | 10        | Có tổ chức lớp tích hợp |
|                        | Tăng Nhơn Phú B                  | Khu phố 5                                                                          | 61                            | 92         | 153       |     |           |                         |
| Long Thạnh Mỹ          | Long Thạnh Mỹ                    | Thường trú: Kp I + Gò Công                                                         | 162                           |            | 162       | 210 | 6         |                         |
|                        |                                  | Thường trú Kp Long Hòa (tổ 10 đến tổ 16)                                           | 48                            |            | 48        |     |           |                         |
| Nguyễn Minh Quang      | Long Thạnh Mỹ                    | Kp: Giản Dân, Mỹ Thành, Chân Phúc Cẩm                                              | 84                            | 85         | 169       | 260 | 7         | Có tổ chức lớp tích hợp |
|                        | Long Bình                        | Cả Kp Giản Dân                                                                     | 9                             | 6          | 15        |     |           |                         |
|                        | Tân Phú                          | Thường trú Kp 5 và 6                                                               | 76                            |            | 76        |     |           |                         |
| Long Phước             | Long Phước                       | cả phường                                                                          | 151                           | 25         | 176       | 176 | 5         |                         |
| Long Bình              | Long Bình                        | Phước Thiện, Long Bửu và Bến Đò                                                    | 93                            | 45         | 138       | 320 | 8         |                         |
|                        | Long Thạnh Mỹ                    | Th.trú Kp Long Hòa ( trừ các tổ 10 đến 16) và tạm trú: Kp Long Hòa + Kp I+ Gò Công | 51                            | 131        | 182       |     |           |                         |
| Tạ Uyên                | Long Bình                        | Cầu Ông Tán; Thái Bình 1, Thái Bình 2, Long Sơn, Vĩnh Thuận                        | 204                           | 69         | 273       | 273 | 6         |                         |

|                         |                 |                                  |     |     |     |            |           |                                |
|-------------------------|-----------------|----------------------------------|-----|-----|-----|------------|-----------|--------------------------------|
| <b>Phước Thạnh</b>      | Long Trường     | Cả phường<br>(trừ kp Phước Hiệp) | 188 | 187 | 375 | <b>396</b> | <b>8</b>  |                                |
|                         | Trường Thạnh    | Kp Phước Lai                     | 8   | 13  | 21  |            |           |                                |
| <b>Phú Hữu</b>          | Phú Hữu         | Cả phường                        | 130 | 88  | 218 | <b>218</b> | <b>5</b>  |                                |
| <b>Bùi Văn Mới</b>      | Phước Long A    | Khu phố 3 + 4 + 5                | 87  | 88  | 175 | <b>175</b> | <b>5</b>  |                                |
| <b>Phạm Văn Chính</b>   | Phước Long A    | Khu phố 1 + 2 + 6                | 77  | 44  | 121 | <b>245</b> | <b>7</b>  | <i>Có tổ chức lớp tích hợp</i> |
|                         | Phước Long B    | Khu phố 1                        | 37  | 16  | 53  |            |           |                                |
|                         | Tăng Nhơn Phú B | Tạm trú Kp 1+3                   |     | 71  | 71  |            |           |                                |
| <b>Võ Văn Hát</b>       | Phước Long B    | Khu phố: 2, 3, 4                 | 154 | 126 | 280 | <b>280</b> | <b>8</b>  |                                |
| <b>Nguyễn Văn Bá</b>    | Phước Long B    | Khu phố 5                        | 112 | 98  | 210 | <b>210</b> | <b>6</b>  | <i>Có tổ chức lớp tích hợp</i> |
| <b>Trần Thị Bưởi</b>    | Phước Long B    | Cả khu phố 6                     | 192 | 131 | 323 | <b>323</b> | <b>9</b>  | <i>Có tổ chức lớp tích hợp</i> |
| <b>Phước Bình</b>       | Phước Bình      | Cả phường                        | 240 | 129 | 369 | <b>369</b> | <b>9</b>  | <i>Có tổ chức lớp tích hợp</i> |
| <b>Trương Văn Thành</b> | Tăng Nhơn Phú A | Thường trú Kp: 2, 3, 4 và 7      | 364 |     | 364 | <b>364</b> | <b>8</b>  |                                |
| <b>Lê Văn Việt</b>      | Tăng Nhơn Phú A | Thường trú kp: 1, 5 và 6         | 143 |     | 143 | <b>210</b> | <b>6</b>  | <i>Có tổ chức lớp tích hợp</i> |
|                         | Hiệp Phú        | Thường trú kp 5.                 | 67  |     | 67  |            |           |                                |
| <b>Phong Phú</b>        | Tăng Nhơn Phú B | Thường trú kp 1+2+3              | 210 |     | 210 | <b>210</b> | <b>6</b>  |                                |
| <b>Trường Thạnh</b>     | Trường Thạnh    | Cả phường<br>trừ Kp Phước Lai    | 115 | 228 | 343 | <b>449</b> | <b>10</b> |                                |
|                         | Long Trường     | Kp Phước Hiệp                    | 51  | 55  | 106 |            |           |                                |

|                         |         |                                        |             |             |             |             |            |  |
|-------------------------|---------|----------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|--|
| <b>Tân Phú</b>          | Tân Phú | Cà phông<br>(trừ Thường trú Kp 5 và 6) | 134         | 304         | 438         | 438         | 10         |  |
| <b>Tổng cộng</b>        |         |                                        | <b>3484</b> | <b>2321</b> | <b>5805</b> | <b>5805</b> | <b>147</b> |  |
| DL<br>Ngô Thời<br>Nhiệm |         |                                        |             | 90          | 90          | 90          | 3          |  |
| <b>Tổng cộng</b>        |         |                                        | <b>3484</b> | <b>2411</b> | <b>5895</b> | <b>5895</b> | <b>150</b> |  |





**Phụ lục 3a:**

Bảng chỉ tiêu lớp Tiếng Anh tăng cường các trường Tiểu học  
(kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

| STT            | Trường Tiểu học   | Số lớp 1<br>tăng cường | Số h/sinh lớp 1<br>tăng cường | Sĩ số<br>hs/lớp | Ghi<br>chú |
|----------------|-------------------|------------------------|-------------------------------|-----------------|------------|
| 1              | Hiệp Phú          | 6                      | 210                           | 35              |            |
| 2              | Đình Tiên Hoàng   | 8                      | 280                           | 35              |            |
| 3              | Long Thạnh Mỹ     | 6                      | 210                           | 35              |            |
| 4              | Nguyễn Minh Quang | 7                      | 245                           | 35              |            |
| 5              | Long Phước        | 2                      | 80                            | 40              |            |
| 6              | Long Bình         | 5                      | 200                           | 40              |            |
| 7              | Tạ Uyên           | 5                      | 175                           | 35              |            |
| 8              | Phước Thạnh       | 5                      | 200                           | 40              |            |
| 9              | Phú Hữu           | 3                      | 120                           | 40              |            |
| 10             | Bùi Văn Mới       | 4                      | 140                           | 35              |            |
| 11             | Phạm Văn Chính    | 5                      | 175                           | 35              |            |
| 12             | Võ Văn Hát        | 6                      | 210                           | 35              |            |
| 13             | Nguyễn Văn Bá     | 4                      | 140                           | 35              |            |
| 14             | Trần Thị Bưởi     | 4                      | 160                           | 40              |            |
| 15             | Phước Bình        | 8                      | 320                           | 40              |            |
| 16             | Trương Văn Thành  | 7                      | 280                           | 40              |            |
| 17             | Lê Văn Việt       | 4                      | 140                           | 35              |            |
| 18             | Phong Phú         | 3                      | 105                           | 35              |            |
| 19             | Trường Thạnh      | 5                      | 200                           | 40              |            |
| 20             | Tân Phú           | 8                      | 320                           | 40              |            |
| <b>Tổng số</b> |                   | <b>105</b>             | <b>3910</b>                   |                 |            |

**Phụ lục 3b:**

Bảng chỉ tiêu lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và tiếng Anh  
tích hợp chương trình Anh và Việt Nam”

(kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

| STT            | Trường Tiểu học   | Số lớp 1<br>thực hiện<br>chương trình | Số h/sinh<br>lớp 1 | Sĩ số<br>hs/lớp | Ghi<br>chú |
|----------------|-------------------|---------------------------------------|--------------------|-----------------|------------|
| 1              | Đình Tiên Hoàng   | 2                                     | 70                 | 35              |            |
| 2              | Nguyễn Minh Quang | 1                                     | 35                 | 35              |            |
| 3              | Nguyễn Văn Bá     | 2                                     | 70                 | 35              |            |
| 4              | Phước Bình        | 1                                     | 35                 | 35              |            |
| 5              | Lê Văn Việt       | 2                                     | 70                 | 35              |            |
| 6              | Phạm Văn Chính    | 1                                     | 35                 | 35              |            |
| 7              | Trần Thị Bưởi     | 1                                     | 35                 | 35              |            |
| <b>Tổng số</b> |                   | <b>10</b>                             | <b>350</b>         |                 |            |





### Mẫu phụ lục 4:

Bảng chỉ tiêu từng phường, trường trung học cơ sở (*dự kiến*)

(kèm theo Quyết định số 292/QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

**Năm học 2020-2021**

| Trường<br>Trung học<br>cơ sở | Phường          |                                    | Phân tuyến Lớp 6 NH 2020-2021 |            |           |           |    | Ghi chú                             |
|------------------------------|-----------------|------------------------------------|-------------------------------|------------|-----------|-----------|----|-------------------------------------|
|                              |                 |                                    | Số học sinh                   |            |           | Số<br>lớp |    |                                     |
|                              | Phường          | Khu phố                            | Thường<br>trú                 | Tạm<br>trú | Tổng cộng |           |    |                                     |
| 1                            | 2               | 3                                  | 4                             | 5          | 6         | 7         | 8  | 9                                   |
| Hiệp Phú                     | Hiệp Phú        | Cả phường<br>(trừ thường trú kp 1) | 257                           | 78         | 335       | 475       | 13 | Có tổ<br>chức<br>lớp<br>tích<br>hợp |
|                              | Tăng Nhơn Phú A | Tạm trú cả phường                  |                               | 110        | 110       |           |    |                                     |
|                              | Tăng Nhơn Phú B | Cả Khu phố 4                       | 21                            | 9          | 30        |           |    |                                     |
| Hưng<br>Bình                 | Long Thạnh Mỹ   | Cả phường<br>(trừ kp Giãn Dân)     | 297                           | 97         | 394       | 440       | 9  |                                     |
|                              | Long Bình       | Cả khu phố Phước Thiện             | 35                            | 11         | 46        |           |    |                                     |
| Long<br>Phước                | Long Phước      | Cả phường                          | 152                           | 45         | 197       | 197       | 4  |                                     |
| Long<br>Bình                 | Long Bình       | Cả phường<br>(trừ kp Phước Thiện)  | 225                           | 116        | 341       | 341       | 8  |                                     |
| Long<br>Trường               | Long Trường     | Cả phường<br>(trừ Kp Phước Hiệp)   | 134                           | 118        | 252       | 282       | 6  |                                     |
|                              | Trường Thạnh    | Cả Khu phố Phước Lai               | 23                            | 7          | 30        |           |    |                                     |
| Phú Hữu                      | Phú Hữu         | Cả phường                          | 101                           | 46         | 147       | 147       | 4  |                                     |
| Đặng<br>Tấn Tài              | Phước Long A    | Cả phường                          | 236                           | 103        | 339       | 529       | 12 |                                     |
|                              | Phước Long B    | Khu phố 2+3<br>và Tạm trú kp 1+5   | 76                            | 114        | 190       |           |    |                                     |
| Phước<br>Bình                | Phước Bình      | Cả phường                          | 291                           | 98         | 389       | 689       | 14 |                                     |
|                              | Phước Long B    | Thường trú Kp 5 và cả kp 6         | 253                           | 47         | 300       |           |    |                                     |
| Trần<br>Quốc<br>Toàn         | Tăng Nhơn Phú A | Thường trú cả phường               | 423                           |            | 423       | 423       | 10 | Có tổ<br>chức<br>lớp<br>tích<br>hợp |
| Tăng<br>Nhơn<br>Phú B        | Tăng Nhơn Phú B | cả Kp 1+3 và tạm trú kp 2+5        | 138                           | 122        | 260       | 421       | 10 |                                     |
|                              | Phước Long B    | Cả Khu phố 4                       | 104                           | 57         | 161       |           |    |                                     |

|                     |                 |                            |             |             |             |             |            |                         |
|---------------------|-----------------|----------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|-------------------------|
| <b>Hoa Lư</b>       | Tăng Nhơn Phú B | Thường trú Khu phố: 2 và 5 | 267         |             | 267         | <b>405</b>  | <b>9</b>   | Có tổ chức lớp tích hợp |
|                     | Hiệp Phú        | Thường trú khu phố 1       | 106         |             | 106         |             |            |                         |
|                     | Phước Long B    | Thường trú Kp 1            | 32          |             | 32          |             |            |                         |
| <b>Trường Thạnh</b> | Trường Thạnh    | Cả phường trừ Kp Phước Lai | 119         | 141         | 260         | <b>347</b>  | <b>7</b>   |                         |
|                     | Long Trường     | Cả Khu phố Phước Hiệp      | 49          | 38          | 87          |             |            |                         |
| <b>Tân Phú</b>      | Tân Phú         | Cả phường                  | 283         | 213         | 496         | <b>543</b>  | <b>11</b>  |                         |
|                     | Long Thạnh Mỹ   | Khu phố Giãn Dân           | 30          | 17          | 47          |             |            |                         |
| <b>Cộng:</b>        |                 |                            | <b>3652</b> | <b>1587</b> | <b>5239</b> | <b>5239</b> | <b>117</b> |                         |
| DL Ngô Thời Nhiệm   |                 |                            |             |             | 200         | <b>200</b>  | <b>6</b>   |                         |
| DL Hoa Sen          |                 |                            |             |             | 40          | <b>40</b>   | <b>1</b>   |                         |
| DL Hồng Đức         |                 |                            |             |             | 30          | <b>30</b>   | <b>1</b>   |                         |
| <b>Cộng:</b>        |                 |                            | <b>0</b>    | <b>0</b>    | <b>270</b>  | <b>270</b>  | <b>8</b>   |                         |
| <b>Tổng cộng:</b>   |                 |                            | <b>3652</b> | <b>1587</b> | <b>5509</b> | <b>5509</b> | <b>125</b> |                         |

**Phụ lục 5a:**

Bảng chỉ tiêu lớp **Tiếng Anh tăng cường** ở trường Trung học cơ sở  
(kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

| STT            | Trường THCS     | Số lớp 6<br>tăng cường | Số h/sinh<br>lớp 6 tăng<br>cường | Sĩ số<br>hs/lớp | Ghi<br>chú |
|----------------|-----------------|------------------------|----------------------------------|-----------------|------------|
| 1              | Hiệp Phú        | 3                      | 135                              | 45              |            |
| 2              | Hưng Bình       | 1                      | 45                               | 45              |            |
| 3              | Long Bình       | 2                      | 90                               | 45              |            |
| 4              | Long Trường     | 2                      | 90                               | 45              |            |
| 5              | Phú Hữu         | 2                      | 90                               | 45              |            |
| 6              | Đặng Tấn Tài    | 3                      | 135                              | 45              |            |
| 7              | Phước Bình      | 3                      | 135                              | 45              |            |
| 8              | Trần Quốc Toàn  | 2                      | 90                               | 45              |            |
| 9              | Tăng Nhơn Phú B | 3                      | 135                              | 45              |            |
| 10             | Hoa Lư          | 4                      | 180                              | 45              |            |
| 11             | Trường Thạnh    | 1                      | 45                               | 45              |            |
| 12             | Tân Phú         | 2                      | 90                               | 45              |            |
| <b>Tổng số</b> |                 | <b>28</b>              | <b>1260</b>                      |                 |            |

**Phụ lục 5b:**

Bảng chỉ tiêu lớp theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và **tiếng Anh tích hợp** chương trình Anh và Việt Nam” ở trường Trung học cơ sở  
(kèm theo Quyết định số 292 /QĐ-UBND, ngày 22/6/2020 của UBND Quận 9)

| STT            | Trường THCS    | Số lớp 6<br>thực hiện<br>chương trình | Số h/sinh  | Sĩ số<br>hs/lớp | Ghi<br>chú |
|----------------|----------------|---------------------------------------|------------|-----------------|------------|
| 1              | Trần Quốc Toàn | 1                                     | 35         | 35              |            |
| 2              | Hoa Lư         | 2                                     | 70         | 35              |            |
| 3              | Hiệp Phú       | 1                                     | 35         | 35              |            |
| <b>Tổng số</b> |                | <b>4</b>                              | <b>140</b> |                 |            |

